TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-3-2018.
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 612/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017, về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987; có mặt.

Hộ khẩu thường trú: ấp PA, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú tại: Tổ 13, ấp SS, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Ph, sinh năm 1988; vắng mặt.

Hộ khẩu thường trú: ấp PA, xã AP, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú tại: Tổ 13, ấp SS, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 06 tháng 9 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Ph quen nhau có thời gian tìm hiểu 01 năm và quyết định tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện HT, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ tại ấp SS, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh sinh sống, vợ chồng cùng làm công nhân, cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc. Từ tháng 10 năm 2016, chị Ph không còn quan tâm đến gia đình như trước nữa, thường xuyên tụ tập uống rượu và bỏ nhà đi qua đêm. Anh khuyên nhiều lần nhưng chị không từ bỏ, từ đó vợ chồng gây gỗ nhau và đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Nay anh vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 06-7-2016, cháu N đang sống với chị Ph. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh P đồng ý giao cháu N cho chị Ph tiếp tục nuôi, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Ph trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh P về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn chị thừa nhận cuối tuần cùng bạn bè đi ăn uống về nhà thì anh P không đồng ý và vợ chồng gây gỗ nhau. Anh P yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ ai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, chấp hành Nội quy phiên tòa.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị Ph.

Về con chung: Giao cháu N cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và lời trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị Ph qua một thời gian tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh P và chị Ph phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Ph thường xuyên tụ tập ăn nhậu và vợ chồng gây gỗ nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay không có thiện chí hàn gắn. Mặt khác, anh P yêu cầu ly hôn thì chị Ph đồng ý. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị Ph và anh P đã đến mức độ trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N sinh ngày 07-6-2016, hiện đang sống chung với chị Ph. Khi ly hôn, anh P, đồng ý giao con chung cho chị Ph tiếp tục nuôi. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, chị Ph là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi, nên cần giao cháu N cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn P đối Nguyễn Thị Hồng Ph.

Anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 07-6-2016 cho chị Ph tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu N mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Anh P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 600.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0009316 ngày 01-11-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, anh P còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Báo cho anh P biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng chị Ph vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Thắng Hải;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm